

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 77/QĐ-CĐBT ngày 04 tháng 3 năm 2020
của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Bến Tre)

Tên ngành	: Dược
Mã ngành	: 6720201
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương
Thời gian đào tạo	: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược.

- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;

- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;

- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;

- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);

- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;

- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược điển;
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;

- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất;
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh; ✱

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;

- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;
- Đảm bảo chất lượng;
- Bán lẻ thuốc;
- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;
- Thủ kho dược và vật tư y tế;
- Kinh doanh dược phẩm;
- Sản xuất thuốc;
- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 33
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.940 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.505 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 857 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.083 giờ
- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung					
6M0021	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
6M0022	Pháp luật	2	30	18	10	2
6M0023	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
6M0024	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4
6M0025	Tin học	3	75	15	58	2
6M0026	Tiếng Anh	5	120	30	85	5
	Cộng	20	435	145	268	22
II	Các môn học, mô đun, chuyên môn ngành					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
6M1401	Hoá học đại cương - Vô cơ	4	90	30	56	4
6M1402	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	60	30	27	3
6M1403	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	30	56	4
6M1404	Hoá hữu cơ	4	90	30	56	4
6M1405	Hóa phân tích	4	90	30	56	4
6M1406	Hoá sinh	3	60	30	27	3
6M1407	Tiếng Anh chuyên ngành	4	90	30	56	4
	Cộng	26	570	210	334	26
II.2	Môn học, mô đun, chuyên môn ngành					
6M1410	Đọc viết tên thuốc	3	60	30	27	3
6Đ1411	Thực vật	4	90	30	56	4
6M1412	Pháp chế dược	3	45	42	0	3
6Đ1413	Bào chế 1	4	90	30	56	4
6Đ1414	Bào chế 2	4	90	30	56	4
6Đ1415	Hóa dược	4	90	30	56	4
6Đ1416	Dược liệu 1	4	90	30	56	4
6Đ1417	Dược liệu 2	4	90	30	56	4
6Đ1418	Dược lý 1	4	90	30	56	4
6Đ1419	Dược lý 2	4	90	30	56	4
6Đ1420	Kiểm nghiệm	4	90	30	56	4
6M1421	Quản lý tồn trữ	2	30	28	0	2
6M1422	Bệnh học	3	45	42	0	3
6Đ1423	Dược lâm sàng 1	4	90	30	56	4
6Đ1424	Dược lâm sàng 2	4	90	30	56	4
6Đ1425	Thực tập cơ sở	6	270	0	270	0

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
6Đ1426	Thực tập Dược lâm sàng Bệnh viện	3	135	0	132	3
6Đ1427	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
	Cộng	70	1.845	472	1.315	58
II.3	Môn học, mô đun tự chọn					
6M1427	Kinh tế Dược	2	45	15	28	2
6M1428	Dược xã hội học	2	45	15	28	2
Hoặc						
6M1429	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
6M1430	Xác xuất - Thống kê y học	2	45	15	28	2
	Cộng	4	90	30	56	4
	Tổng cộng	120	2.940	845	1.988	107

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học/mô-đun chung, môn học/mô-đun bắt buộc

Việc thực hiện các môn học chung do bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo các thông tư: 10/2018/TT – BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018; 11/2018/TT – BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018, 12/2018/TT – BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018, 13/2018/TT – BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018, 24/2018/TT – BLĐTBXH ngày 6 tháng 12 năm 2018; TT 03/2019/TT – BLĐTBXH ngày 17 tháng 1 năm 2019;

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Ngoài khối lượng kiến thức và kỹ năng được quy định cụ thể trong chương trình thì trong thời gian học tập, học viên phải rèn luyện các kỹ năng mềm trong các hoạt động ngoại khóa đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

- Tổ chức cho học viên tham quan học tập, kiến tập, thực tập tại các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở có liên quan đến ngành được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Căn cứ theo điều 12: tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun theo thông tư số: 09/2017/TT – BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017;

Thời gian và cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá, thi kết thúc môn học, mô-đun được hướng dẫn cụ thể trong chương trình môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo.

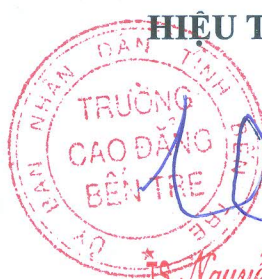
4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Người học phải học hết chương trình đào tạo của ngành Dược và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo qui định trong chương trình đào tạo, có chứng chỉ tin học ứng dụng căn bản căn cứ theo điều 25 về điều kiện tốt nghiệp theo thông tư số 09/2017/TT – BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017, đồng thời thoả mãn các điều kiện tốt nghiệp theo thông tư 09/2017/TT – BLĐTBXH;

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập tích lũy của người học để quyết định việc xét công nhận tốt nghiệp cho người học và đwọc cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, danh hiệu **Cử nhân thực hành** theo Thông tư 10/2017/TT - BLĐTBXH.

4.5. Các chú ý khác

Chương trình đào tạo được thực hiện theo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung. Tuy nhiên, chương trình cũng có thể lựa chọn một số môn học, mô-đun để đào tạo cho các lớp không tập trung, đào tạo ngắn hạn.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Huân

